

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **623/UBND-KTTH**

An Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2019

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022

Kính gửi:

- Cục Thuế;
- Cục Hải quan;
- Cục Thống kê;
- Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN); Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (gọi tắt là Thông tư số 342/2016/TT-BTC); Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (gọi tắt là Thông tư số 69/2017/TT-BTC);

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2020;

Trong thời gian chờ Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2020, để đảm bảo thời gian tổng hợp dự toán 2020 gửi Bộ Tài chính theo quy định; Ủy ban nhân dân tỉnh tạm thời hướng dẫn công tác đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2019, xây dựng dự toán NSNN năm 2020 và lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022. Khi Bộ Tài chính ban hành chính thức Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN 2020, các đơn vị thực hiện bổ sung những nội dung chi tiết theo hướng dẫn.

I. Căn cứ để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2019, xây dựng dự toán NSNN năm 2020 và lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022:

- Các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2019, số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;

- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 31/CT-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2018 về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về NSNN; số 09/CT-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2019 về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019 và số 07/CT-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2018 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và dự toán ngân sách địa phương (NSDP) năm 2019; Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp về giao dự toán và phân bổ NSDP năm 2019,...

- Thông tư 119/2018/TT-BTC ngày 5/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2019;

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN 03 năm 2016 - 2018; 6 tháng đầu năm 2019, dự báo và giải pháp phấn đấu hoàn thành dự toán NSNN năm 2019 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2019:

1. Về thu NSNN:

1.1. Đối với cơ quan thuế, hải quan:

- Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất - kinh doanh và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, diễn biến giá cả thị trường 6 tháng cuối năm, thực hiện rà soát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN năm 2019 đã được Hội đồng nhân dân quyết định.

- Đánh giá tình hình triển khai các quy định về điều chỉnh chính sách thu, trong đó bao gồm: Điều chỉnh biểu thuế bảo vệ môi trường; thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế; đánh giá việc cắt giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình cam kết của các hiệp định thương mại,...

- Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP; tình hình kê khai, nộp thuế; kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Vướng mắc, khó khăn phát sinh và kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, về công nghệ quản lý, về tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện.

1.2. Các đơn vị dự toán:

Căn cứ dự toán thu phí, lệ phí, thu phạt, thu dịch vụ sự nghiệp công được Ủy ban nhân dân cùng cấp giao đầu năm và tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm, đánh giá kết quả thực hiện thu trong năm 2019 theo từng nội dung thu (tổng thu, số nộp ngân sách nhà nước, số được để lại sử dụng theo chế độ). Nguyên nhân thu đạt, không đạt để làm cơ sở dự toán thu năm 2020 phù hợp với thực tế phát sinh. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách quản lý thu trong thời gian tới.

1.3. Đối với các cấp ngân sách:

a) Cấp huyện: căn cứ thực hiện 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình kinh tế - xã hội, giá cả thị trường 6 tháng cuối năm, thực hiện rà soát đánh giá các yếu tố tác động tăng, giảm thu, các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu ngân sách nhà nước do Hội đồng nhân dân tỉnh giao theo nội dung chi tiết như đã nêu tại điểm 1.2 nêu trên. Ngoài ra cần đánh giá thêm các nội dung như:

- Đánh giá tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

- Báo cáo kết quả phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

- Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan (gồm: số thu phí được để lại, số thu phí nộp NSNN và kết quả thực hiện số thu phí được để lại với số đã thực hiện chi trong năm ngân sách, số còn dư đến hết năm 2019 (nếu có); các khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

- Thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2019.

b) Cấp xã: cần phân tích đánh giá chi tiết từng khoản thu ngân sách xã được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) và các khoản thu được hưởng 100% và

tình hình thu, nộp và quản lý sử dụng các quỹ công chuyên dùng đã thực hiện trên địa bàn. Phân tích nguyên nhân thu đạt, không đạt để làm cơ sở xây dựng dự toán năm 2020. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách quản lý thu trong thời gian tới.

1.4. Căn cứ kết quả thực hiện năm 2019 nêu trên, đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương báo cáo đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2019 so với mục tiêu, kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020. Những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách quản lý thu trong thời gian tới.

2. Chi ngân sách địa phương (NSDP):

2.1. Đối với các đơn vị dự toán:

a) Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2019 theo từng lĩnh vực chi được giao (kể cả các nhiệm vụ phát sinh đột xuất ngoài dự toán theo chủ trương của cơ quan có thẩm quyền).

b) Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án:

- Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Kết quả thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW năm 2019 và kết quả thực hiện năm 2016-2019, trong đó chi tiết: Số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy; Số kinh phí dành ra được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy; Số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

- Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm và tổng hợp lũy kế từ khi thực hiện đến hết năm 2019 chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm (báo cáo số lượng đơn vị được phân loại theo mức độ tự chủ; số lượng biên chế của khu vực sự nghiệp theo từng mức độ tự chủ; số biên chế hưởng lương từ ngân sách và từ nguồn của từng lĩnh vực). Tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ đến NSNN theo từng lĩnh vực, từng năm, số kinh phí NSNN giảm do chuyển đổi loại hình tự chủ theo quy định.

- Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu: Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chương trình tổng hợp nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trên địa bàn tỉnh năm 2019, lũy kế tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2019 so với mục tiêu đã phê duyệt.

c) Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương:

- Báo cáo biên chế, quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo mức lương 1.390.000 đồng/tháng (gồm: phần quỹ lương do NSNN đảm bảo; quỹ lương từ nguồn thu của đơn vị đảm bảo), trong đó ghi chú: phần quỹ lương được đảm bảo từ nguồn chi quản lý bộ máy và nguồn khoán chi; phần quỹ lương trả cho đối tượng có hệ số lương ngạch bậc từ 1,86 trở xuống.

- Nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (gọi là Nghị định 38/2019/NĐ-CP).

- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện điều chỉnh tiền lương năm 2019, cụ thể: Nguồn năm 2018 còn thừa (nếu có); tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ; tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2019 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

d) Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2019, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả triển khai thực hiện giai đoạn 2016 - 2019 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020. Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ có mục tiêu, kế hoạch triển khai diễn ra trong giai đoạn 2016 - 2020, đánh giá chi tiết từng chương trình, dự án và số lũy kế đã thực hiện năm 2016 - 2019, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

2.2. Đối với các cấp ngân sách:

a) Chi đầu tư phát triển:

- Đánh giá tình hình bố trí, giao dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án, công trình trong năm 2019 (kể cả điều chỉnh), thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn ngân sách nhà nước.

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm 2019, dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31/12/2018 (kèm phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2018, kế hoạch vốn và ước thực hiện năm 2019, kèm thuyết minh). Lũy kế số chi đầu tư phát triển thực hiện giai đoạn 2016 - 2019 so với kế hoạch trung hạn được cấp thẩm quyền giao giai đoạn 2016 - 2020, trong đó chi tiết theo từng nguồn vốn.

- Đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng nguồn NSNN (bao gồm cả trái phiếu Chính phủ: số đến ngày 31/12/2018; ước số xử lý trong năm 2019; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng còn đến ngày 31/12/2019 (chi tiết từng dự án)).

- Tình hình triển khai các dự án, chương trình từ nguồn vay và trả nợ các nguồn vốn vay của địa phương.

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành. Trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6/2019 và dự kiến đến hết năm 2019; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đánh giá vướng mắc trong quản lý đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, kiến nghị giải pháp xử lý.

- Tình hình thực hiện vay và trả nợ các khoản vay của NSDP: dư nợ đầu năm, vay trong năm, số trả nợ trong năm, dư nợ đến 31/12/2019.

* Lưu ý: Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Kho bạc nhà nước và Sở Tài chính đánh giá tình hình thực hiện đối với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cấp tỉnh.

b) Chi thường xuyên:

- Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2019 theo từng lĩnh vực chi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án... của địa phương; những khó khăn, vướng mắc.

- Đánh giá kết quả thực hiện tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể; Kết quả thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW; trong đó chi tiết số đơn vị thực hiện, số biên chế giảm do sắp xếp, kinh phí NSNN giảm do thực hiện chính sách trong năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2019.

- Đánh giá tình hình thực hiện đối với từng chính sách an sinh xã hội: có báo cáo cụ thể đối tượng (trong đó chi tiết đối với hộ nghèo thu nhập, nghèo đa chiều đối với từng tiêu chí thiếu hụt dịch vụ cơ bản), nhu cầu kinh phí và nguồn thực hiện chính sách năm 2019 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính theo quy định).

- Công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

- Khả năng cân đối NSDP so với dự toán, các biện pháp đã và sẽ thực hiện để đảm bảo cân đối NSDP trong trường hợp dự kiến bị giảm thu NSDP.

- Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu, NSDP và sử dụng dự phòng NSDP) thực hiện nhiệm vụ an ninh,

quốc phòng, chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; tình hình sử dụng dự phòng NSDP đến ngày 30/6/2019, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2019 (chi tiết nội dung dự kiến hỗ trợ).

c) Các địa phương báo cáo cụ thể tình hình thực hiện điều chỉnh tiền lương 2019:

- Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định mức lương 1.390.000 đồng/tháng; trong đó ghi chú: phần quỹ lương được đảm bảo từ nguồn chi quản lý bộ máy và nguồn khoán chi; phần quỹ lương trả cho đối tượng có hệ số lương ngạch bậc từ 1,86 trở xuống.

- Nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Nguồn kinh phí đảm bảo: Nguồn 2018 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2019 (nếu có); sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% tăng thu NSDP theo quy định (không kể thu tiền sử dụng đất, từ hoạt động xổ số kiến thiết); số giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập do tinh giản biên chế hoặc sắp xếp bộ máy, chuyển đổi loại hình tự chủ theo chủ trương của Chính phủ; nguồn cải cách tiền lương năm 2019 còn dư (nếu có) sau khi thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành.

d) Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2019, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả thực hiện 2016 - 2019 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020. Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ có mục tiêu, kế hoạch triển khai diễn ra trong giai đoạn 2016 - 2020, đánh giá chi tiết từng quyết định giao nhiệm vụ, tổng kinh phí, phân kỳ thực hiện từng năm 2016 - 2020, số lũy kế đã thực hiện năm 2016 - 2019, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

II. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020:

Năm 2020 là năm cuối triển khai thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 05 năm giai đoạn 2016 - 2020; là năm quyết định việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu đề ra.

Dự toán NSNN năm 2020 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật; bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và giai đoạn 2016 - 2020 của ngành, địa phương. Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2020 phải theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN, các chế độ chính sách theo quy định; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

1. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước:

1.1. Cơ quan thuế, hải quan:

Trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2019; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, khả năng mở rộng nguồn thu và tình phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương xây dựng dự toán thu đảm bảo tính đúng, tính đủ từng khoản thu, sắc thuế, từng lĩnh vực thu đối với từng địa bàn và phấn đấu tăng thu 2020 so ước thực hiện 2019 theo tỷ lệ quy định tại Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ cụ thể nội dung tăng tối thiểu từ 10 - 12% so với đánh giá ước thực hiện năm 2019.

Việc xây dựng dự toán thu phải gắn với việc tăng cường quản lý thu, đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, Thanh tra Chính phủ.

1.2. Đối với các đơn vị dự toán: căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và ước thực hiện các khoản thu phí, lệ phí, thu phạt, thu sự nghiệp và thu khác năm 2019, xây dựng dự toán thu năm 2020 sát với tình hình thu thực tế tại đơn vị.

1.3. Đối với các cấp ngân sách: Dự toán thu NSNN năm 2020 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2019, dự báo các nhân tố tác động làm thay đổi tình hình đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động thương mại, các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu (chính sách thuế, phí, lệ phí, phạt vi phạm hành chính,...) lập dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2020 tích cực, sát thực tế. Phấn đấu tỷ lệ tăng thu 2020 so ước thực hiện 2019 theo quy định tại Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

* **Lưu ý:** Đối với các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục thu phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không phải là chi tiêu giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước. Các cơ quan, đơn vị và địa phương không tổng hợp chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc NSNN nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định. Các đơn vị dự toán và các địa phương tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp NSNN và để lại chi theo quy định, các địa phương ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2019, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2020 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định của Luật

NSNN và các văn bản hướng dẫn) nhưng chỉ tổng hợp phần nộp NSNN, không hạch toán vào NSNN các khoản thu phí, lệ phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tiếp tục được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

2. Xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương:

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2020 phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 2020 và giai đoạn 2016 - 2020 và các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW,.. chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện trong năm 2020. Khi xây dựng dự toán 2020, các cơ quan, đơn vị và địa phương cần lưu ý một số nội dung sau:

2.1. Đối với đơn vị dự toán:

a) Xây dựng dự toán chi ngân sách trên cơ sở nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao để xây dựng dự toán chi theo từng lĩnh vực và tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm, bảo đảm đúng chế độ, chính sách và các nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2017. Trong đó, chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

Dự toán chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện đi lại phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô và trang thiết bị đắt tiền, hạn chế tối đa kinh phí tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, khánh tiết, tổng kết, khởi công, tiếp khách, đi công tác nước ngoài;...

b) Dự toán chi hoạt động năm 2020 của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế theo Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình và kế hoạch hành động của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Ước tính khoản kinh phí dành ra và nhu cầu thực hiện chính sách sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế theo quy định nêu trên.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: xây dựng dự toán phải căn cứ vào dự kiến số tăng thu sự nghiệp theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ trong từng lĩnh vực, dự toán giảm mức hỗ trợ từ ngân sách do thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình và kế hoạch hành động của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao tại quyết định phê duyệt từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, hướng dẫn bổ sung của cơ quan chủ chương trình, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ gửi cơ quan chủ trương trình tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định.

e) Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực bên cạnh việc lập dự toán thu, chi NSNN năm 2020 (phần đơn vị trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2020, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

f) Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); một phần nguồn thu được để lại theo quy định; nguồn cải cách tiền lương năm trước còn dư để tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2020. Đồng thời lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2020 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

* Ngoài ra, đối với một số lĩnh vực chi cần thuyết minh rõ cơ sở tính toán như sau:

- Đối với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể, thuyết minh cụ thể:

+ Số biên chế được giao năm 2020 (trường hợp chưa được giao biên chế, thì xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2019 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2020 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị, số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2019).

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán; Giảm quỹ tiền lương do tinh giản biên chế; Quỹ tiền lương của số biên chế chưa tuyển trong phạm vi biên chế được duyệt (hệ số 2,34).

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan) năm 2020 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, bao gồm kinh phí tổ chức Đại hội Đảng các cấp.

+ Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2020 được xác định căn cứ vào việc tăng, giảm nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao năm 2020.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Xây dựng dự toán chi trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Đối với dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập, xây dựng theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo thẻ; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi, đê điều và công trình phòng chống thiên tai); thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, kinh phí thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2.2. Đối với các cấp ngân sách:

Ủy ban nhân dân các cấp chủ động xây dựng dự toán chi NSĐP trên cơ sở nguồn thu NSĐP được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu ngân sách các cấp; bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và giai đoạn 2016-2020 của địa phương; kết quả thực hiện các nhiệm vụ thu - chi NSĐP giai đoạn 2016 - 2018, ước thực hiện 2019, xây dựng dự toán chi NSĐP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, bảo

đảm đủ nguồn lực thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương và các chế độ, chính sách theo đúng quy định của Luật NSNN.

a) Chi đầu tư phát triển:

- Căn cứ Luật Đầu tư công và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 của địa phương, số lũy kế đã thực hiện năm 2016 - 2018; xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Ưu tiên bố trí đủ dự toán năm 2020 để đảm bảo thanh toán hết nợ xây dựng cơ bản và thu hồi hết số vốn ứng trước của các dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

- Bố trí dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới; chủ động phân bổ lập quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (đối với cấp tỉnh); sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2017 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục trích nộp vào Quỹ Phát triển đất của tỉnh đối với khoản thu tiền sử dụng đất do tỉnh quản lý.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: căn cứ dự kiến nguồn thu này trong dự toán thu cân đối ngân sách địa phương, sử dụng toàn bộ cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên bố trí đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (tối thiểu 10% nguồn thu xổ số kiến thiết). Số thu còn lại (nếu có) bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

- Bố trí vốn thực hiện công tác lập quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Các địa phương có dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, phải lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này năm 2020, trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách; các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất phát sinh trong năm 2020; tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT của Bộ, cơ quan

Trung ương, các cơ quan, đơn vị ở địa phương gửi cơ quan tài chính cùng cấp đề tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Xây dựng dự toán chi trả nợ lãi thành một mục chi riêng trong chi cân đối ngân sách địa phương, bảo đảm chi trả đầy đủ, kịp thời các khoản nợ đến hạn (kèm theo thuyết minh mức chi trả chi tiết theo từng nguồn vốn vay).

b) Chi thường xuyên:

Tùy vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cấp mình, khi xây dựng dự toán 2020, Ủy ban nhân dân các cấp cần lưu ý một số nội dung sau:

- Xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2020, bảo đảm đúng chính sách, chế độ, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017, trong đó chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng; bảo đảm đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ nhà nước đã ban hành. Đồng thời, cần thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán đối với từng lĩnh vực theo hướng dẫn như đã nêu tại điểm 2.1 mục II nêu trên.

- Thực hiện giám dự toán đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trên cơ sở nhiệm vụ tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 được xác định căn cứ vào lũy kế kết quả thực hiện giai đoạn 2016 - 2018, mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW. Riêng mức giảm biên chế được xác định là mức giảm tối thiểu/năm theo Kết luận số 17-KL/TW, nguồn dành ra để thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 nếu các nguồn theo quy định hiện hành chưa đủ và hỗ trợ các đối tượng chính sách tiếp cận dịch vụ công khi điều chỉnh tăng giá, phí dịch vụ.

- Các địa phương báo cáo chi tiết nhu cầu, nguồn lực, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách mới hoặc việc điều chỉnh tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng các chính sách hiện hành trong năm 2019 và nhu cầu năm 2020 theo quy định để có cơ sở bố trí dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách địa phương theo quy định. Chủ động dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp, trợ cấp đối với vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổng hợp vào dự toán chi bảo đảm hoạt động của các lực lượng chức năng thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật trong dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực tương ứng; các nhiệm vụ chi trước đây được thực hiện bằng nguồn thu phí, lệ phí được để lại đơn vị theo Luật NSNN, các khoản phí, lệ phí này được nộp vào ngân sách.

- Các địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao tại quyết định phê duyệt từng chương trình mục tiêu quốc gia, hướng dẫn bổ sung của cơ quan chủ quản chương trình, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo

từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSDP, nguồn huy động (nếu có), gửi cơ quan chủ quản chương trình tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

- Các địa phương thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; nguồn tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); phần kinh phí dành ra từ giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư (nếu có).

- Bố trí dự phòng ngân sách các cấp theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

3. Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan ở địa phương được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2019 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2020 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2020 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư, số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,...; số chi cho các nhiệm vụ; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động và các văn bản pháp luật mới ban hành liên quan đến quỹ (nếu có).

Đánh giá hiệu quả hoạt động, các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

III. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022:

1. Đối tượng lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 ở địa phương:

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp tỉnh theo quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công sửa đổi và các văn bản hướng dẫn.

- Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 thuộc phạm vi quản lý gửi Sở tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định.

2. Yêu cầu lập kế hoạch:

a) Thực hiện đúng quy định của Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ, Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính và giả định tiếp tục thực hiện các quy định tại thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020.

b) Căn cứ kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 đã được rà soát, cập nhật vào thời điểm ngày 31/3/2019, các trần chi tiêu giai đoạn 2020 - 2022 do cơ quan tài chính, kế hoạch và đầu tư thông báo; các cơ quan và đơn vị cấp tỉnh xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 theo hướng dẫn tại các văn bản nêu trên.

c) Việc xây dựng số thu, chi, bội chi và vay nợ trên cơ sở Luật NSNN, các Luật về thuế, phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, các Luật có liên quan đang có hiệu lực và các văn bản hướng dẫn; định hướng cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; lộ trình triển khai các nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa XII, đặc biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW; các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, chương trình, dự án đang được thực hiện theo phân kỳ được phê duyệt.

d) Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2020.

3. Lập kế hoạch thu NSNN:

a) Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2020 - 2022 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2019 - 2021; dự toán thu NSNN năm 2020 và mức tăng trưởng thu dự kiến năm 2021 và năm 2022. Tỷ lệ tăng trưởng thu dự kiến cho giai đoạn 2020 - 2022 được xác định theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành, đồng thời tính đến các yếu tố:

- Khả năng phát triển kinh tế của tỉnh, từng ngành nghề, lĩnh vực và địa phương trong năm 2020, dự kiến năm 2021 - 2022, các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế.

- Các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm thu do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế, tăng cường quản lý thu theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; tăng cường quản lý thu và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo đúng định hướng của Trung ương.

- Tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

b) Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương căn cứ số dự kiến thu năm 2020 để xây dựng kế hoạch thu năm 2021 - 2022 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số được để lại chi theo chế độ

chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN) và chi tổng hợp vào dự toán thu NSNN phân phí, lệ phí nộp NSNN.

c) Đối với các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, dịch vụ sự nghiệp không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu NSNN, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương lập kế hoạch thu và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

4. Lập kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022 của các cơ quan, đơn vị dự toán cấp 1 ở cấp tỉnh:

Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 theo đúng quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính. Ngoài ra, lưu ý một số nội dung:

a) Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2020 - 2022 của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021, số ước thực hiện năm 2019, trần chi ngân sách giai đoạn 2020 - 2022 do cơ quan có thẩm quyền thông báo. Trong đó, thuyết minh cụ thể các nhu cầu chi tăng, giảm gắn với việc thay đổi cơ chế, chính sách theo các chủ trương, phê duyệt của cấp thẩm quyền; các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện/mới được phê duyệt.

b) Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2020, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2020 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển, nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2021-2022.

c) Đối với các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực bên cạnh việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2020 - 2022 (phần trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2020 - 2022, kèm thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

5. Lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022 cấp tỉnh:

Bên cạnh các nội dung có liên quan về công tác lập kế hoạch thu, chi NSNN 03 năm 2020 - 2022 quy định tại mục số 3, 4 nêu trên, việc lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 của tỉnh còn phải chú ý một số nội dung sau:

a) Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 05 năm 2016 - 2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, kết quả đạt được giai đoạn 2016 - 2019 và dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã

hội của tỉnh năm 2020. Trên cơ sở định hướng kinh tế vĩ mô của Chính phủ, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2021-2022, gửi Sở Tài chính để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021 - 2022.

b) Căn cứ số thu được giao, phạm vi thu NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, dự kiến dự toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2020, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế, Cục Hải quan và các cơ quan có liên quan lập kế hoạch thu NSNN năm 2021- 2022, trong đó:

- Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động tăng, giảm thu gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự kiến triển khai các chính sách thu mới quy định tại Nghị quyết số 07-NQ/TW, lộ trình cắt giảm thuế quan, các dự kiến tác động thu gắn với triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ và việc xác định khu vực kinh tế phi chính thức.

- Đối với nguồn thu phí, lệ phí, việc lập dự toán thực hiện theo quy định hiện hành, gắn với lộ trình tăng phí theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần thu phí nộp NSNN năm 2021-2022; lập kế hoạch riêng nguồn thu học phí, giá dịch vụ y tế, giá dịch vụ sự nghiệp công và các khoản thu khác (không có trong danh mục phí) để quản lý, giám sát và yêu cầu tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các đối tượng này.

c) Trên cơ sở dự kiến nguồn thu trên địa bàn, nguồn thu của địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung từ ngân sách Trung ương cho NSDP do cơ quan thẩm quyền thông báo trong 03 năm 2020 - 2022; nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương 2021 - 2025; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan lập kế hoạch chi NSDP năm 2021 - 2022, bảo đảm bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách tại địa phương (bao gồm chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định); xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho NSDP giai đoạn 2021 – 2022 theo Quyết định số 579/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

d) Lập kế hoạch tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương thực hiện như việc lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2020 theo hướng dẫn tại Công văn này.

e) Việc lập kế hoạch số bội chi/bội thu, vay và trả nợ của NSDP các năm 2021 - 2022 thực theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn có liên quan, bảo đảm mức dư nợ vay của địa phương vào thời điểm cuối từng năm không vượt giới hạn theo quy định.

IV. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN giai đoạn 2016-2020 và lập kế hoạch tài chính 05 năm cấp tỉnh giai đoạn 2021 -

2025: Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu có).

V. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Hải quan thực hiện các nội dung được phân công tại khoản 5, phần III nêu trên và các nội dung khác thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao trong xây dựng dự toán NSNN năm 2020 và lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến và gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Về biểu mẫu lập báo cáo:

a) Đối với dự toán ngân sách nhà nước năm 2020:

- Các cơ quan (bao gồm cả Cục Thuế và Cục Hải quan), đơn vị dự toán cấp 1 lập dự toán đối với các nội dung liên quan theo các biểu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11.1, 11.2, 12.1, 12.2, 12.3, 12.4, 12.5, 13.1, 13.2, 13.3, 13.4, 13.5, 13.6, 13.7, 13.8, 13.9, 13.10, 13.11, 13.12, 14, 15.1, 15.2, 18, 23, 24, 25, 26 và 27 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC và biểu số 02, 03, 06 kèm theo Công văn này.

- Ngoài ra, đối với các cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nội vụ; Sở Công thương; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông; Cục Thống kê báo cáo chi tiết các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý theo biểu số 28 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC, gửi Sở Tài chính.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố lập dự toán theo các biểu: 28, 29.1, 29.2, 30, 31, 32, 33, 34, 35 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC và biểu số 02, 03, 06 kèm theo Công văn này.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được lập chi tiết theo các mẫu biểu số 04, 05 kèm theo Công văn này.

b) Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022:

- Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp 1 ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 theo các biểu số: 01, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Hải quan, Cục Thống kê tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022 của tỉnh theo các biểu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06 quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thời gian gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022:

Thời gian các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022 về Sở Tài chính chậm nhất đến ngày 10/7/2019. Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính trước ngày 20/7/2019.

Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện gửi báo cáo dự toán NSNN năm 2020 cho cơ quan tài chính cùng cấp chậm nhất ngày 08/7/2019.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản hồi về Sở Tài chính để nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo Văn phòng, Phòng QTTV;
- Lưu: HCTC, Phòng KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Nưng